TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ QUAO** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 05/6/2025.
V/v: Ly hôn và tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lương Thị Hồng Hạnh.

2. Ông Lê Hữu Quang.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Nghĩa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên toà*: Bà Thị Xà Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 298/2024/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 12 năm 2024, về việc: "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 24 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 37/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 14 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lưu Kiều T - sinh ngày 01/01/1990, có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: ấp K, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Ông Đào Thiện D – sinh ngày 01/01/1988, vắng mặt.

Địa chỉ: ấp D, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/11/2024, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn bà Lưu Kiều T như sau:

Vào năm 2015, bà và ông Đào Thiện D tổ chức đám cưới, hôn nhân tự nguyện, vợ chồng bà đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang vào ngày 25/5/2015.

Vợ chồng sống chung hạnh phúc được khoảng 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi do ông Đào Thiện D không quan tâm vợ con, thường xuyên cờ bạc dẫn đến mắc nợ người khác, không lo làm ăn, đi làm không có tiền đem về nuôi con. Từ tháng 3/2020 ông D dọn ra ở riêng sau đó về Kiên Giang sống với gia đình, vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay. Hiện vợ chồng không còn khả năng chung sống với nhau được nữa và bà không còn tình cảm với ông Đào Thiện D nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đào Thiện D.

Thời gian chung sống vợ chồng bà có 01 người con chung tên Đào Ngọc Nhã M – sinh ngày 21/01/2019, hiện nay bà đang nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Vợ chồng bà không có tài sản chung.

Về nợ chung: Bà cam đoan vợ chồng bà không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau khi vợ chồng bà ly hôn mà có người kiện vợ chồng bà đòi nợ chung thì bà hoàn toàn chịu trách nhiệm trả nợ chung theo quy định của pháp luật.

Nguyện vọng:

Về hôn nhân: Bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đào Thiện D.

Về con chung: Bà yêu cầu được nuôi con chung tên Đào Ngọc Nhã M – sinh ngày 21/01/2019 và không yêu cầu ông Đào Thiện D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Đào Thiện D đã được Tòa án tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng ông Đào Thiện D không đến Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến hay bất cứ yêu cầu nào của ông Đào Thiện D.

- Phát biểu của kiểm sát viên - đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang tại phiên tòa:

Về việc tuân thủ theo pháp luật về tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã tuân thủ các thủ tục về thụ lý vụ án, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách

đương sự, thẩm quyền giải quyết vụ kiện; Việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tống đạt cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định; Thủ tục công khai chứng cứ và hòa giải đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt không có lý do là không tuân thủ pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử xử cho bà Lưu Kiều T được ly hôn với ông Đào Thiện D. Về con chung, đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Đào Ngọc Nhã M – sinh ngày 21/01/2019 cho bà Lưu Kiều T nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung đương sự không yêu cầu nên Viện kiểm sát không có đề nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa bà Lưu Kiều T và ông Đào Thiện D là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Đào Thiện D là bị đơn trong vụ án, ông Đào Thiện D có địa chỉ rõ ràng, đó cũng là nơi ông đăng ký hộ khẩu thường trú, hiện nay ông Đào Thiện D vẫn còn hộ khẩu thường trú ở địa chỉ trên. Tòa án đã tống đạt các thủ tục tố tụng theo quy định tại Điều 177 và 179 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông Đào Thiện D vắng mặt tại phiên tòa 02 lần không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Đào Thiện D.

Bà Lưu Kiều T có đơn xin vắng mặt, xét thấy việc vắng mặt của bà Lưu Kiều T không làm ảnh hưởng đến nội dung vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Lưu Kiều T.

[2] Về hôn nhân: Bà Lưu Kiều T và ông Đào Thiện D cưới nhau vào năm 2015, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 100/2015, ngày 25/5/2015, như vậy Hội đồng xét xử xác định hôn nhân của bà Lưu Kiều T và ông Đào Thiện D là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân cho thấy: Tuy hôn nhân của bà Lưu Kiều T và ông Đào Thiện D là hôn nhân tự nguyện nhưng trong quá trình sống chung đã phát sinh mâu thuẫn không tự giải quyết được. Bà Lưu Kiều T cho rằng vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi do ông Đào Thiện D không quan tâm vợ con, thường xuyên cờ bạc dẫn đến mắc nợ người khác, không lo làm ăn, đi làm không có tiền đem về nuôi con, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3/2020 đến nay. Trong thời gian ly thân, bà và ông Đào Thiện D không còn liên lạc với nhau, ông Đào Thiện D cũng không gọi điện thoại hỏi thăm con. Ngày 03/4/2025 và ngày 24/4/2025, Tòa án đã tổ chức hòa giải để động viên, giải thích giúp vợ chồng ông bà đoàn tụ nhưng ông Đào Thiện D vắng mặt và bà Lưu Kiều T cương quyết ly hôn với ông Đào Thiện D. Xét thấy, vợ chồng bà Lưu Kiều T và ông Đào Thiện D đã sống ly thân với nhau hơn 04 năm, trong thời gian này, ông Đào Thiện D và bà Lưu Kiều T không tìm được tiếng nói chung để hàn gắn hôn nhân và không còn liên lạc với nhau, khi Tòa án mời ông Đào Thiện D đến Tòa án để hòa giải để động viên, giải thích giúp vợ chồng ông bà đoàn tụ thì ông Đào Thiện D không có mặt cho thấy ông không còn quan tâm gì đến cuộc hôn nhân này và cho thấy mục đích hôn nhân của ông bà không đạt được. Bà Lưu Kiều T cương quyết xin ly hôn với ông Đào Thiện D và tỏ rõ thái độ không còn tình cảm yêu thương ông Đào Thiện D, vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lưu Kiều T.

[4] Về con chung: Bà Lưu Kiều T và ông Đào Thiện D có 01 người con chung tên Đào Ngọc Nhã M – sinh ngày 21/01/2019, hiện nay bà Lưu Kiều T đang nuôi dưỡng.

Ông Đào Thiện D không nuôi con và không có ý kiến về quyền nuôi. Bà Lưu Kiều T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Đào Ngọc Nhã M – sinh ngày 21/01/2019, hiện cháu N M chưa đủ 07 tuổi và sống chung với mẹ từ nhỏ nên việc giao cháu Nhã M cho mẹ tiếp tục nuôi là phù hợp, tránh ảnh hưởng đến tâm lý và làm thay đổi môi trường sống của cháu, vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Lưu Kiều T.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Lưu Kiều T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lưu Kiều T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[7] Tại phiên tòa sau khi xem xét các tài liệu chứng cứ, đại diện Viện kiểm sát có quan điểm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xét đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí HNGĐST: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí. Bà Lưu Kiều T phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí trước đây theo biên lai thu số 0010036, ngày 28/11/2024, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56 và Điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Áp dụng Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lưu Kiều T.

Về hôn nhân: Xử cho bà Lưu Kiều T ly hôn với ông Đào Thiện D.

Về con chung: Giao cháu Đào Ngọc Nhã M – sinh ngày 21/01/2019 cho bà Lưu Kiều T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Ông Đào Thiện D được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Không ai được phép cản trở ông D thực hiện quyền này.

Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Lưu Kiều T phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí trước đây theo biên lai thu số 0010036, ngày 28/11/2024, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

3. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7, Điều 7a, Điều 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-TAND tỉnh;
-VKS Gò Quao;
-Chi cục THA;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ.

Phan Thị Thùy Trang